

TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2019 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2020

BÙI QUANG TUẤN*

Năm 2019 là một năm có khá nhiều tin vui về kinh tế của Việt Nam. Trong khi kinh tế thế giới có dấu hiệu giảm sút về tăng trưởng kèm với nhiều yếu tố rủi ro, bất định thì kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng khá cao kèm với việc đạt được nhiều mục tiêu về ổn định kinh tế vĩ mô. Việt Nam được coi là một điểm sáng trong bức tranh của kinh tế thế giới năm 2019.

Kinh tế Việt Nam năm 2019: Một số điểm sáng

Tăng trưởng kinh tế ấn tượng

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ở mức cao trên thế giới. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2019 tăng trưởng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra là 6,6% - 6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011 và cũng là mức tăng trưởng cao trên thế giới, trong khi những nền kinh tế lớn là đầu tàu của châu Á đều có mức tăng trưởng thấp hơn, như Trung Quốc và Ấn Độ tăng 6,1%, In-đô-nê-xi-a tăng 5%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào tăng trưởng chung của nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4% vào tăng trưởng chung; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45% vào tăng trưởng chung. Đóng vai trò quan trọng cho tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 11,29%) và các ngành dịch vụ thị trường (ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%).

Trong bức tranh tăng trưởng chung, tăng trưởng du lịch là một thành tựu đáng chú ý. Năm 2019, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam lên đến 18 triệu lượt người, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2018. Riêng trong tháng 12-2019, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 1,7 triệu lượt, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2018.

Cơ cấu kinh tế năm 2019 cho thấy tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49% GDP; khu vực dịch vụ chiếm 41,64% GDP; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91% GDP (cơ cấu tương ứng của năm 2018 là: 14,68%; 34,23%; 41,12%; 9,97%).

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2019 tăng 10,2% so với năm trước và bằng 33,9% GDP. Trong đó, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 942,5 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn đầu tư (46%) và đạt tốc độ tăng vốn cao nhất so với năm trước; vốn khu vực nhà nước đạt 634,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 31% và

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam

tăng 2,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 469,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 23% và tăng 7,9%. Đặc biệt, thu hút FDI đạt 20,4 tỷ USD vốn thực hiện, mức cao nhất từ trước tới nay. Mức tăng vốn đầu tư toàn xã hội chung trên 10% là mức cao (so với tăng trưởng chỉ 7,02%) và có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng trong bối cảnh vốn đầu tư vẫn là trụ cột chủ yếu cho tăng trưởng ở Việt Nam.

Ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì

Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%, thấp nhất trong 3 năm gần đây mặc dù một số nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao do dịch tả lợn châu Phi làm nguồn cung thịt lợn giảm, giá các sản phẩm chế biến từ thịt lợn, thay thế thịt lợn tăng. Mức tăng 2,79% là hoàn thành tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát mà Quốc hội đề ra và đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua.

Cán cân thương mại hàng hóa tiếp tục thặng dư và mức thặng dư là đáng kể, ước đạt khoảng 9,9 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2019 ước tính đạt 516,96 tỷ USD, lần đầu tiên vượt mức 500 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước. Khu vực kinh tế trong nước có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao: 17,7% và đạt 82,10 tỷ USD, chiếm 31,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 181,35 tỷ USD xuất khẩu, tăng 4,2%, chiếm 68,8% tỷ trọng xuất khẩu (tỷ trọng giảm 2,5 điểm phần trăm so với năm trước). Trong năm 2019 có 32 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,4%).

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2019 ước tính đạt 253,51 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 108,01 tỷ USD, tăng 13,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 145,50 tỷ USD, tăng 2,5%.

Cán cân thương mại thặng dư liên tục trong 4 năm qua cho thấy Việt Nam đã bảo đảm thặng dư thương mại hàng hóa một cách khá bền vững, góp phần quan trọng cho mục tiêu củng cố và ổn định kinh tế vĩ mô.

Điều hành chính sách tiền tệ năm 2019 khá uyển chuyển, linh hoạt, phối hợp tốt với chính sách tài khóa, đạt được các mục tiêu đề ra là ổn định kinh tế vĩ mô. Ngân hàng Nhà nước đã sử dụng linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để đạt được các mục tiêu đề ra, trong đó có ổn định thị trường tiền tệ, ngoại tệ và kiểm soát lạm phát. Thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng được bảo đảm. Trên thị trường ngoại tệ, tỷ giá tương đối ổn định, diễn biến linh hoạt phù hợp với sự thay đổi của điều kiện thị trường, các giao dịch ngoại tệ diễn ra thông suốt. Dự trữ ngoại hối được bổ sung và đạt mức 80 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay. Nợ công được kiểm soát tốt, ở mức khoảng 56% GDP, đạt được mục tiêu đề ra.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được nâng lên

Về chất lượng tăng trưởng kinh tế, năm 2019, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, đưa mức bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011 - 2015.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018). Năng suất lao động tăng 6,2%.

Hiệu quả đầu tư được cải thiện với chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018; và ước đạt 6,07 năm 2019. Bình quân giai đoạn 2016 - 2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn so với 6,25 của giai đoạn 2011 - 2015. Đây là những chuyển biến tích cực, cho thấy một sự cải thiện đáng ghi nhận khi đang có những yêu cầu ngày càng mạnh mẽ về chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam từ chiều rộng sang chiều sâu, chú trọng tới hiệu quả, năng suất, năng lực cạnh tranh.

Môi trường kinh doanh được cải thiện

Một điểm sáng nữa của nền kinh tế năm 2019 là môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Sự quyết liệt của Chính phủ trong cải cách, đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh, cắt giảm giấy phép con và thuận lợi hóa môi trường đầu tư, kinh doanh đã được thể hiện trong một loạt các nghị quyết số 02 của các năm. Năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 1-1-2019, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019. Chính phủ cũng yêu cầu các bộ, ngành và địa phương rà soát cắt giảm các điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính. Đến cuối năm 2019, đã có trên 50% điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính được cắt giảm. Đánh giá của doanh nghiệp cuối năm 2018 về “cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả” tăng 7,3% so với năm 2015 (ở mức 67,4%), đánh giá về “thủ tục giấy tờ đơn giản” tăng 22,9% so với năm 2015.

Năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 được cải thiện. Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) đánh giá năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index 4.0 GCI 4.0) đã xếp Việt Nam vào hạng thứ

67 trong tổng số 141 nền kinh tế được xếp hạng. Năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 của Việt Nam năm 2019 đã tăng 10 bậc (từ vị trí 77/140 nước lên vị trí 67/141 nước). Kết quả này đạt được là do 8/12 trụ cột tăng điểm, đặc biệt là chỉ số tiếp nhận công nghệ thông tin và viễn thông, được xếp ở hạng 41 (trên cả Thái Lan đang đứng thứ 61), tăng hạng mạnh mẽ so với năm 2018 (xếp hạng thứ 95). Riêng trụ cột thể chế của Việt Nam được cải thiện 5 bậc, từ 94 lên 89.

Hoạt động của doanh nghiệp tích cực hơn

Sau khi Chính phủ quyết liệt hơn trong thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, hoạt động của các doanh nghiệp có nhiều cải thiện. Năm 2019, có 138,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.730,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 1.254,4 nghìn lao động, tăng 5,2% về số doanh nghiệp, tăng 17,1% về vốn đăng ký và tăng 13,3% về số lao động so với năm trước. Bên cạnh đó, còn có 39,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 15,9% so với năm 2018, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2019 lên 177,5 nghìn doanh nghiệp, trung bình mỗi tháng có gần 14,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Lực lượng ngày càng đông đảo các doanh nghiệp (chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân) là trụ cột quan trọng để tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế quốc gia ở mức cao. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng đầu tư lớn nhất trong các khu vực: chiếm 46% GDP và có mức tăng trưởng cao nhất (tốc độ tăng vốn đạt 17,3% so với năm trước). Thêm vào đó, quy mô của doanh nghiệp cũng lớn hơn, vốn trung bình một doanh nghiệp đạt mức 12,4 tỷ đồng, mức cao nhất từ trước tới nay. Số

doanh nghiệp có quy mô lớn ngày một tăng. Năm 2019, doanh nghiệp quy mô lớn chiếm 2,8%, tăng 4 điểm phần trăm so với năm 2016 (chiếm 2,4%). Đã có 9 trên 29 doanh nghiệp có giá trị vốn hóa trên 1 tỷ USD thuộc khu vực tư nhân.

Một số rủi ro tiềm ẩn và thách thức đối với nền kinh tế

Các vấn đề rủi ro tiềm ẩn và thách thức của nền kinh tế đến từ hai nguồn cả ở bên ngoài và ở bên trong.

Các rủi ro và thách thức bên ngoài

Thứ nhất, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc sẽ tiếp tục mặc dù đã có một số động thái hạ nhiệt. Mỹ đã đạt được thỏa thuận thương mại “Giai đoạn 1” với Trung Quốc vào ngày 13-12-2019 nhưng cũng chưa thật rõ cơ chế thực hiện và tác động của nó đến đâu. Lộ trình cho “Giai đoạn 2” cũng đã có nhưng có khả năng phải sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ vào năm 2020 mới tiến hành đàm phán vì Trung Quốc cũng muốn chờ đợi xem liệu Tổng thống Đô-nan Trăm (Donald Trump) có tái đắc cử hay không. Bản thân Tổng thống Mỹ cũng từng nói đến khả năng thỏa thuận giữa hai nước phải chờ đến sau cuộc bầu cử. Quan trọng hơn, nguồn gốc sâu xa của cuộc chiến thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới này là vấn đề bá chủ công nghệ và vấn đề bá chủ toàn cầu. Đây là vấn đề sẽ còn kéo dài trong nhiều năm chứ không thể kết thúc một sớm một chiều.

Thứ hai, nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới có dấu hiệu giảm tốc, đặc biệt là nền kinh tế Trung Quốc. Trong quý III năm 2019, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 6%, mức thấp nhất kể từ năm 1992, trước sự sụt giảm nhu cầu trong nước và cuộc chiến thương mại kéo dài với Mỹ. Tăng trưởng quý II của Trung Quốc là 6,2% so với cùng

kỳ năm 2018, cũng là mức thấp nhất trong gần ba thập niên, giảm so với mức 6,4% của quý I. Nhiều tính toán cho rằng tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc giảm xuống còn 5,8% trong quý IV năm 2019 và có thể thấp hơn 6% năm 2020. Bên cạnh đó, nợ của Trung Quốc ở quy mô lớn cũng đang tiềm ẩn những yếu tố bất ổn đến nền kinh tế có đông dân nhất thế giới này. Mức nợ lớn kèm với mức nợ trên thế giới đã đạt tới 230% GDP có thể dẫn tới khủng hoảng nợ. Điều này, kết hợp với những bất ổn xã hội của vùng lãnh thổ Hồng Kông (Trung Quốc) có thể làm phương hại lớn đến niềm tin kinh doanh của các nhà đầu tư. Trong khi đó Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI) của Trung Quốc đang gặp phải những khó khăn ở cả trong và ngoài nước, đặc biệt là khi nhiều nước vay của Trung Quốc trong các dự án thuộc BRI đã nhận thức được rõ hơn mức độ rủi ro của nợ công lớn và sự phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc.

Thứ ba, thương mại thế giới có những bước lùi mặc dù quá trình toàn cầu hóa vẫn tiếp tục. Xu thế bảo hộ thương mại lên ngôi ở một số quốc gia đang tạo sức ép phải xem lại một số hiệp định thương mại đã ký kết. Trong khi đó, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) lại đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng về giải quyết các tranh chấp thương mại, sau khi cơ quan phúc thẩm của tổ chức này thiếu vắng thành viên do Mỹ từ chối thông qua việc bổ nhiệm thẩm phán mới. Những điều này đang làm dấy lên nghi ngờ về vai trò của WTO trong việc chống lại xu thế bảo hộ thương mại đang tăng lên.

Thứ tư, những yếu tố liên quan đến công nghệ đã cho thấy tính chất đầy rủi ro của cuộc cạnh tranh công nghệ và những rủi ro của nền kinh tế liên quan đến công nghệ là rất lớn. Thế giới đã từng chứng kiến sự

đổ vỡ của hàng loạt công ty công nghệ và những bong bóng công nghệ dotcom bị nổ. Hiện nay, 4 công ty vốn hóa hơn và gần 1 tỷ USD đều là các công ty công nghệ. Chỉ số trung bình công nghệ Dow Jones lần đầu tiên vượt 28 nghìn điểm, cao nhất từ trước tới nay. Những tiến bộ công nghệ, như trí tuệ nhân tạo, máy tính lượng tử, dữ liệu lớn,... tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng ẩn chứa nhiều thách thức và những thách thức này là không hề nhỏ, nhất là đối với sự đổ vỡ của nền kinh tế, an ninh quốc gia và an toàn cho người sử dụng và người tiêu dùng. Kỳ vọng quá lớn vào công nghệ có thể một lần nữa dẫn tới những bong bóng công nghệ và bong bóng đó có thể bị nổ bất cứ lúc nào. Thêm vào đó, cạnh tranh công nghệ hiện nay phần lớn mới chỉ được thể hiện trong bối cảnh thương chiến Mỹ - Trung Quốc. Thời gian sắp tới sẽ có những khối và quốc gia khác tham gia vào cuộc cạnh tranh khốc liệt này, như Liên minh châu Âu (EU), các cường quốc Đông Á và Nam Á. Liên minh châu Âu gần đây đã thể hiện quan điểm ngày càng mong muốn tự chủ về công nghệ trong một số lĩnh vực trọng điểm. Hàn Quốc đã có nhiều đột phá để vượt Nhật Bản và Mỹ trong một số lĩnh vực công nghệ. Những tiến bộ về công nghệ cũng làm cho sự phát triển mạnh mẽ của các đồng tiền số (với số lượng đồng tiền số xuất hiện đã đạt khoảng 1.700 loại), điển hình là đồng بیت-кои (Bitcoin) và gần đây là đồng li-bra (Libra) của Facebook. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), các ngân hàng trung ương của các nước đang có những yêu cầu có các đánh giá tác động đầy đủ của việc lưu thông các loại tiền số này có thể mang lại cho nền kinh tế, nhất là tác động đến hệ thống tiền tệ quốc tế và các đồng tiền mạnh trên thế giới.

Thứ năm, những căng thẳng địa chính trị ở nhiều khu vực trên thế giới, đặc biệt

là Trung Đông sẽ tiếp tục có những tác động tiêu cực đến ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế thế giới. Bên cạnh xu thế bảo hộ và chủ nghĩa dân túy lên ngôi làm cho thương mại toàn cầu có phần bị đình trệ. Các sự kiện gần đây, như việc va chạm giữa các tàu chở dầu phương Tây và tàu chiến I-ran, khâu chiến giữa Mỹ và I-ran, có thể khơi nguồn cho những vụ trả đũa kể cả ở Xi-ri (Syria) lẫn kích động phong trào chống Mỹ và thậm chí có thể kích động gia tăng các hoạt động khủng bố ở nước Mỹ và châu Âu. Mặc dù việc Anh rút khỏi Liên minh châu Âu (Brexit) đã đến hồi kết, theo tính toán của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) việc thực hiện Brexit có thể làm GDP của Anh sẽ giảm 3,5% - 5% nếu Anh rời EU mà không đạt được thỏa thuận nào, trong khi kịch bản này sẽ khiến GDP của EU giảm 0,5%. Căng thẳng giữa Cộng hòa DCND Triều Tiên và Hàn Quốc đang trở lại vì sự linh xình của các bên liên quan trong việc gỡ gờ và thúc đẩy tiến trình hòa bình ở bán đảo Triều Tiên.

Một số rủi ro và thách thức bên trong

Thứ nhất, môi trường kinh doanh và đầu tư mặc dù đã cải thiện nhưng vẫn còn chưa đủ để đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư và kinh doanh. Các con số thống kê về cắt giảm các điều kiện kinh doanh mới chỉ nói về mặt số lượng điều kiện kinh doanh được cắt giảm chứ chưa nói được chất lượng của việc cắt giảm, vẫn có tình trạng “đồn nhiều văn bản vào một” nhưng thủ tục thì không thay đổi gì nhiều. Do vậy, chất lượng việc cắt giảm các điều kiện kinh doanh tiếp tục phải được tiến hành thực chất hơn và quyết liệt hơn. Tỷ lệ doanh nghiệp phản nản về việc phải có chi phí không chính thức vẫn còn cao (theo tính toán của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là hơn 55%). Chỉ số năng lực cạnh tranh của quốc gia còn thấp hơn

hiều so với các nước trong khu vực. Việt Nam đứng thứ 67 là đã có sự cải thiện lớn nhưng vẫn xếp hạng sau và khá xa so với các quốc gia ASEAN phát triển khác. Mục tiêu về xếp hạng thể chế nằm trong top 4 của khu vực Đông Nam Á là một thách thức lớn, đòi hỏi phải có sự quyết tâm lớn và có sự vào cuộc quyết liệt hơn của tất cả các bên liên quan chứ không chỉ của Chính phủ.

Thứ hai, bệnh dịch tả lợn châu Phi diễn ra trên diện rộng ở nhiều tỉnh, thành của cả nước đã làm suy giảm tăng trưởng sản lượng của ngành trong năm 2019 và sẽ ảnh hưởng đến cung và mức giá vào năm sau. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc cấm nhập tiểu ngạch cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi lợn. Do có giảm cung mạnh nên giá trên thị trường thịt lợn tăng mạnh và đột ngột. Mặc dù đã có những hoạt động tái đàn được triển khai nhưng khó có khả năng bổ sung ngay cho nguồn cung thiếu hụt. Mức giá chung về thịt lợn sẽ cao và sẽ có sức ép lên lạm phát. Thêm vào đó, tác động mạnh của biến đổi khí hậu ở các vùng biển, vùng ven biển đang có xu hướng tiếp diễn và ngày càng gia tăng, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Điều này tạo ra thách thức cần phải đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu cũng như phải có những giải pháp để bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thứ ba, với xu hướng bảo vệ thị trường trong nước của Mỹ, Việt Nam đang nằm trong nhóm 21 nước bị Mỹ theo dõi xem có hành vi “thao túng tiền tệ” hay không. Mỹ tỏ ra cứng rắn trong việc sử dụng các biện pháp trừng phạt đối với các quốc gia vi phạm quy định về xuất xứ và thao túng tiền tệ. Đã có hiện tượng các loại thép của Hàn Quốc và

vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) đưa sang Việt Nam để tránh thuế của Mỹ, sau đó gia công đơn giản và xuất khẩu sang Mỹ gây ra phản ứng của Mỹ. Các hiện tượng tương tự có thể xảy ra đối với các trường hợp hàng hóa của Trung Quốc, do có thương chiến với Mỹ, có thể mượn đường qua Việt Nam để thâm nhập vào thị trường Mỹ. Xu hướng như vậy sẽ gây rủi ro cho Việt Nam vì có thể dẫn đến hậu quả là Việt Nam bị Mỹ đưa vào danh sách những đối tượng đang có thương mại “không cân bằng” với Mỹ và những nước “thao túng tiền tệ” và sẽ bị áp đặt mức thuế nhập khẩu cao. Việt Nam cần phải thận trọng để không bị rơi vào danh sách mà Mỹ sẽ đối phó bằng các hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

Thứ tư, vốn đầu tư toàn xã hội năm 2019 tăng và bằng 33,9% GDP, có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng. Tuy nhiên, từ góc độ ổn định vĩ mô, gia tăng nhiều về đầu tư trong khi mức tiết kiệm nội địa của Việt Nam thường xuyên chỉ dưới 30% GDP cũng tiềm ẩn những rủi ro, bất ổn cho kinh tế vĩ mô. Khoảng cách giữa tiết kiệm và đầu tư cũng luôn tiềm ẩn những mất cân đối vĩ mô và là một thách thức cần phải đối mặt để bảo đảm được mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Kiểm soát nợ công trong mức cho phép (tuy đã đạt 57% GDP) cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng dòng vốn vay ODA vẫn tiếp tục là những thách thức trong thời gian tới.

Thứ năm, về chất lượng tăng trưởng, còn nhiều vấn đề cần phải được giải quyết, như nâng cao đóng góp của TFP, cải thiện hơn năng suất, nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng mạnh hiệu quả của đầu tư,... nhưng một vấn đề đáng được quan tâm đó là tình trạng ô nhiễm, đặc biệt là ô nhiễm không khí ở các thành phố lớn ngày càng nghiêm trọng. Ở các thành phố lớn, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh mức ô nhiễm

không khí ở nhiều thời điểm đã vượt ngưỡng cho phép 200% cho đến 300%. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, như hiện tượng khí hậu bất thường do biến đổi khí hậu thì những nguyên nhân chủ quan, như tình trạng quá tải phương tiện giao thông, mật độ xây dựng lớn, việc chưa di dời các nhà máy và xưởng sản xuất ra ngoài thành phố... đã gây ra ô nhiễm môi trường không khí. Việc nâng cao chất lượng tăng trưởng đòi hỏi vừa có tăng trưởng kinh tế ổn định nhưng vừa phải bảo đảm sản xuất sạch để có môi trường sạch và trong lành cho sức khỏe con người. Đây cũng chính là mục tiêu quan trọng của tăng trưởng nhanh và bền vững.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2020

Trong bối cảnh có nhiều bất định, nhiều ẩn số rù rỏ, việc dự báo tăng trưởng kinh tế chính xác là rất khó khăn. Mặc dù các dự báo kinh tế thế giới của các tổ chức kinh tế lớn đều có phần thận trọng và có điều chỉnh xuống so với các dự báo trước đó, triển vọng kinh tế của Việt Nam trong năm 2020 nhìn chung vẫn là tương đối tốt. Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới chỉ khoảng 2,7%, tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển chỉ khoảng 4,6%. IMF dự báo, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020 ở mức 3,4%, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là 6,5%.

Viện Kinh tế Việt Nam cho rằng, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2020 có thể có nhiều kịch bản khác nhau, nhưng kịch bản có thể xảy ra nhất là tăng trưởng đạt trong khoảng 6,8% - 7,0%. Mức tăng trưởng cao như vậy là phù hợp với những yếu tố tích cực mà Việt Nam đang có những thuận lợi lớn. Hiệp định EVFTA với EU đã được ký kết, tạo cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường EU. Hiệp định Bảo hộ đầu tư với các thành

viên EU có tiến bộ khả quan. Các hiệp định thương mại khác cũng đang có tác động tích cực tương tự, bao gồm Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)... Bản thân các nhà đầu tư nước ngoài cũng đang coi Việt Nam là một điểm sáng về ổn định vĩ mô và là môi trường thuận lợi để đầu tư. Trong khi đó, nhiều nhà đầu tư đã có xu hướng rút khỏi Trung Quốc do lo sợ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc có thể còn kéo dài và có nhiều rù rỏ. Hàn Quốc đã có Chiến lược Phương Nam mới và sẽ đẩy mạnh hợp tác với các nước ASEAN, đặc biệt là với Việt Nam. Kinh tế số và các mô hình của kinh tế số đang được Việt Nam tiếp nhận một cách tích cực. Chính phủ điện tử, Công thông tin một cửa quốc gia, Công dịch vụ công quốc gia... đã và đang được triển khai. Trong khi đó, các nền tảng kinh tế vĩ mô ở trong nước tiếp tục ổn định. Các mắt cân đối vĩ mô được kiểm soát tốt nhờ đã sử dụng nhuần nhuyễn hơn chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa. Thị trường hàng hóa, dịch vụ và tiền tệ ổn định, dự trữ ngoại hối tăng nhanh. Thu hút FDI khởi sắc sẽ có tác động và đóng góp tích cực cho tăng trưởng. Về du lịch, chỉ trong 4 tháng cuối năm 2019, khách quốc tế đến Việt Nam đã tăng trưởng đột phá khoảng hơn 30% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy mục tiêu năm 2020, ngành du lịch Việt Nam phấn đấu đón khoảng 20,5 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 90 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt trên 830.000 tỷ đồng là hoàn toàn trong tầm tay. Tăng trưởng ngành dịch vụ và du lịch tốt cũng sẽ có những đóng góp quan trọng cho tăng trưởng cao của Việt Nam. Vì vậy, mục tiêu của Quốc hội đặt ra là tăng trưởng kinh tế đạt 6,8%, lạm phát dưới 4% là hoàn toàn khả thi. □